

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/DS-ST

Ngày: 26/6/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 26/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-DS ngày 26/01/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Trần Đắc T** và bà **Huỳnh Thị D**. Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo uỷ quyền của ông T: Bà **Huỳnh Thị D**. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Theo giấy uỷ quyền ngày 19/02/2024) (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị H**. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Văn C** (Vắng mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn T1** (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2023, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/3/2024, nguyên đơn bà Huỳnh Thị D đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Đắc T trình bày:

Ông Trần Đắc T và bà Huỳnh Thị D có tham gia hội tháng và hội mùa từ đầu thảo là vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H1 (ông H1 đã chết).

Hội mùa (bốn tháng khui 1 lần), 5.000.000 đồng/chân mở ngày 30/01/2018 (âm lịch) gồm 20 thành viên, ông, bà tham gia 02 chân. Ngày 30/5/2022 (âm lịch) ông, bà bốc thăm trúng, số tiền hội một chân ông, bà được giao là 70.000.000 đồng, hai chân là 140.000.000 đồng nhưng bà H chưa giao tiền hội cho ông, bà.

Hội tháng 1.000.000 đồng/chân mở ngày 10/01/2021 (âm lịch) gồm có 24 thành viên, ông, bà tham gia 01 chân, ông, bà đã đóng được 18 lần với số tiền là 18.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền hội bà H chưa giao cho ông, bà là 158.000.000 đồng.

Đến ngày 25/9/2022 (âm lịch) ông H1 có viết cam kết hứa đến ngày 25/10/2022 (âm lịch) sẽ trả 70% số tiền hội cho ông, bà. Ông H1 không tự tay viết cam kết mà kêu con ông là Nguyễn Văn T1 viết cam kết, ký tên thay ông H1 và ông H1 không đưa cam kết cho ông, bà mà kêu ông, bà chụp hình lưu vào điện thoại. Đến kỳ hẹn thì ông H1 chối bỏ trách nhiệm cho bà Nguyễn Thị H.

Nay ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị H phải giao trả lại tiền hội cho ông, bà với tổng số tiền là 158.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn C: Toà án đã thực hiện cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác của Toà án trong quá trình giải quyết vụ án cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 nhưng từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay bà H, ông C, ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không đến tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D số tiền hội còn nợ, không yêu cầu tính lãi. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hội” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị H cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng

thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị D, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Đắc T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Huỳnh Thị D.

[4] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông C, ông T1.

Về nội dung:

[1] Theo đơn khởi kiện, ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D cho rằng ông, bà có tham gia hội tháng và hội mùa từ đầu thảo là vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H1 (ông H1 đã chết, ông H1 có các con là ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1). Hội mùa (bốn tháng khui 1 lần), 5.000.000 đồng/chân mở ngày 30/01/2018 (âm lịch) gồm 20 thành viên, ông, bà tham gia 02 chân. Ngày 30/5/2022 (âm lịch) ông, bà bốc thăm trúng, số tiền hội một chân ông, bà được giao là 70.000.000 đồng, hai chân là 140.000.000 đồng nhưng bà H chưa giao tiền hội cho ông, bà.

Hội tháng 1.000.000 đồng/chân mở ngày 10/01/2021 (âm lịch) gồm có 24 thành viên, ông, bà tham gia 01 chân, ông, bà đã đóng được 18 lần với số tiền là 18.000.000 đồng. Tổng số tiền hội tháng và hội mùa bà H chưa giao cho ông, bà tổng cộng là 158.000.000 đồng. Do đó, ông T, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D số tiền hội còn nợ là 158.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D có cung cấp chứng cứ là danh sách hội tháng mở ngày 10/01/2021 (bút lục 10); 02 danh sách hội mùa mở ngày 30/01/2018 (bút lục 11,12) và giấy viết tay ngày 28/11/2023 (bút lục 08). Xét thấy, mặc dù các danh sách hội do ông T, bà D cung cấp là bản photo, tuy nhiên căn cứ vào giấy viết tay ngày 28/11/2023 (bút lục 08) có nội dung bà Nguyễn Thị H thừa nhận bà là đầu thảo (chủ hội) và bà thừa nhận còn nợ ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D 02 chân hội mùa với số tiền là 140.000.000 đồng và 01 chân hội tháng với số tiền là 18.000.000 đồng, số tiền này là hoàn toàn trùng

khớp với số tiền mà ông T, bà D khởi kiện, ngoài khoản tiền này ra thì ông T, bà D xác định bà H không còn nợ ông, bà khoản tiền nào khác.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông T, bà D có tham gia các dây hụi do bà H làm chủ hụi và bà H còn nợ lại ông T, bà D tổng số tiền hụi là 158.000.000 đồng đúng như ông T, bà D trình bày.

Đồng thời, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, biếu, phưởng có quy định về nghĩa vụ của chủ hộ như sau:

“3. Giao các phần hộ cho thành viên lĩnh hộ tại mỗi kỳ mở hộ”

Tuy nhiên, với vai trò là chủ hụi, bà Nguyễn Thị H đã không thực hiện giao phần tiền hụi cho ông T, bà D theo đúng thỏa thuận. Do đó, việc ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả cho ông, bà tổng số tiền hụi còn nợ là 158.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, biếu, phưởng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D, buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D số tiền hụi còn nợ là 158.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là $(158.000.000 \text{ đồng} \times 05\%) = 7.900.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D.

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Trần Đắc T, bà Huỳnh Thị D số tiền hui còn nợ là 158.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.900.000 đồng (Bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Lam